

BỘ CÔNG AN-BỘ
NGOẠI GIAO
Số: 04/2002/TTLT/BCA-
BNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2002

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28/5/2001 của Chính phủ

quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

Thực hiện Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định), Bộ Công an và Bộ Ngoại giao hướng dẫn như sau:

I. VIỆC MỜI, ĐÓN, BẢO LÃNH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

1. Đối với người nước ngoài thuộc diện làm thủ tục tại Bộ Ngoại giao.

a) Cơ quan, tổ chức được giao chủ trì đón khách nước ngoài vào Việt Nam theo lời mời của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, khách mời cấp tương đương của các vị có hàm Bộ trưởng, Thứ trưởng, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi công văn thông báo danh sách và chương trình hoạt động của khách tới Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh, đồng gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an; nếu yêu cầu cấp thị thực cho khách tại cửa khẩu quốc tế, thì công văn cần nêu rõ cửa khẩu và thời gian khách nhập cảnh để Cục Quản lý xuất nhập cảnh thực hiện.

Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh thông báo cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài được Ủy

quyền thực hiện chức năng lãnh sự (sau đây gọi là cơ quan đại diện Việt Nam) cấp thị thực cho khách (nếu thuộc diện phải cấp thị thực).

b) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác của nước ngoài được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế thuộc Liên hợp quốc, tổ chức quốc tế liên Chính phủ đặt tại Việt Nam (sau đây gọi là cơ quan đại diện nước ngoài) có nhu cầu thay đổi thành viên hoặc mời người nước ngoài vào làm việc với cơ quan đại diện, thì gửi công hàm tới Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh. Công văn cần nêu rõ: họ tên, ngày tháng năm sinh, chức vụ, quốc tịch, số hộ chiếu, mục đích nhập cảnh, thời gian cư trú tại Việt Nam, nơi nhận thị thực của người được mời.

Cục Lãnh sự, Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh có công văn thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh về việc cơ quan đại diện nước ngoài thay đổi thành viên hoặc mời người vào làm việc. Sau 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn thông báo, nếu Cục Quản lý xuất nhập cảnh không có ý kiến, thì Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh thông báo cơ quan đại diện Việt Nam cấp thị thực cho khách.

Trường hợp khách có nhu cầu xin cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế, Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh có công văn đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh giải quyết. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có công văn trả lời trong thời hạn 2 ngày làm việc.

c) Thành viên cơ quan đại diện nước ngoài có nhu cầu mời khách vào thăm, cơ quan đại diện mà người đó là thành viên làm thủ tục theo quy định tại điểm 1b Mục này.

d) Cơ quan, tổ chức đề nghị thông báo cơ quan đại diện Việt Nam cấp thị thực cho khách phải thanh toán với Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh cước phí theo biểu giá của ngành bưu điện.

2. Đối với người nước ngoài thuộc diện làm thủ tục tại Bộ Công an.

a) Các cơ quan, tổ chức có nhu cầu mời người nước ngoài vào Việt Nam không thuộc diện làm thủ tục tại Bộ Ngoại giao quy định tại điểm 1 Mục này, gửi công văn

đề nghị tới Cục Quản lý xuất nhập cảnh; nếu đề nghị cấp thị thực cho khách tại cửa khẩu quốc tế, thì công văn cần nêu rõ cửa khẩu và thời gian khách nhập cảnh, lý do đề nghị cấp thị thực tại cửa khẩu.

Các tổ chức quy định tại các điểm d, đ, g, h khoản 1 Điều 4 của Nghị định, trước khi làm thủ tục mời, bảo lãnh người nước ngoài nhập cảnh phải nộp hồ sơ chứng minh tư cách pháp nhân tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Hồ sơ gồm:

- Giấy phép hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập tổ chức; Văn bản đăng ký hoạt động của tổ chức, có xác nhận đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức đặt trụ sở;
- Văn bản giới thiệu con dấu, chữ ký của người có thẩm quyền của tổ chức.

Việc nộp hồ sơ nêu trên chỉ thực hiện một lần. Khi có sự thay đổi nội dung trong hồ sơ, thì tổ chức đó có văn bản thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh để bổ sung hồ sơ.

b) Cá nhân có nhu cầu mời người nước ngoài vào thăm, nộp đơn tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh. Đơn phải có xác nhận theo quy định sau đây:

- Nếu người mời là công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam, thì đơn phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã nơi cư trú.
- Nếu người mời là người nước ngoài tạm trú tại Việt Nam từ 6 tháng trở lên, thì đơn phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập.

c) Cục Quản lý xuất nhập cảnh có văn bản trả lời cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được công văn hoặc đơn đề nghị trường hợp phát hiện người nước ngoài thuộc diện chưa được nhập cảnh Việt Nam, thì nêu rõ tại văn bản trả lời để cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, bảo lãnh biết.

d) Việc thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam cấp thị thực cho người nước ngoài (trừ các trường hợp được miễn thị thực, nhận thị thực tại cửa khẩu) do Cục Quản lý xuất nhập cảnh thực hiện. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thông báo phải thanh toán với Cục Quản lý xuất nhập cảnh cước phí theo biểu giá của ngành bưu điện.

II. VIỆC CẤP, BỔ SUNG, SỬA ĐỔI THỊ THỰC TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM

1. Việc cấp thị thực.

a) Người nước ngoài xin thị thực nộp tại cơ quan đại diện Việt Nam 1 đơn (theo mẫu quy định) kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu (sau đây gọi chung là hộ chiếu). Thời hạn giá trị còn lại của hộ chiếu phải dài hơn ít nhất 1 tháng so với thời hạn giá trị của thị thực xin cấp.

Nếu xin cấp thị thực rời thì trong đơn nêu rõ lý do, mục đích xin cấp thị thực rời.

Người Việt Nam ở nước ngoài có nhu cầu về thăm thân nhân mà không có hộ chiếu, nếu mang giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp có giá trị xuất, nhập cảnh và mẫu giấy tờ đó đã được thông báo chính thức cho Việt Nam qua đường ngoại giao, cũng làm thủ tục theo quy định tại điểm này.

b) Cơ quan đại diện Việt Nam cấp thị thực như sau:

- Đối với người không có cơ quan, tổ chức, cá nhân ở Việt Nam mời đón, thì xét cấp thị thực một lần, thời hạn 15 ngày. Việc xét cấp thị thực được thực hiện trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn, hộ chiếu.

- Đối với người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài có nhu cầu về thăm thân nhân, nếu có bằng chứng đã nhập cảnh Việt Nam lần trước cách thời điểm xin nhập cảnh thông quá 36 tháng, thì cơ quan đại diện Việt Nam xét cấp thị thực có giá trị một lần không quá 3 tháng. Việc xét cấp thị thực được thực hiện trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn, hộ chiếu.

- Đối với người đã có thông báo của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Cục Lãnh sự hoặc Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh về việc cho nhập cảnh, thì trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn, hộ chiếu của khách, cơ quan đại diện Việt Nam cấp thị thực theo nội dung đã được thông báo.

Trường hợp cơ quan đại diện Việt Nam phát hiện người xin thị thực có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam hoặc có hoạt động phương hại đến an ninh quốc gia mà cơ quan chức năng ở trong nước chưa phát hiện được, thì người đứng đầu cơ quan đại diện cần kịp thời trao đổi lại với cơ quan đã thông báo cấp thị thực để xem xét, quyết định.

c) Đối với người Việt Nam ở nước ngoài không có hộ chiếu, mang giấy tờ nêu tại điểm 1a Mục này, nếu được chấp thuận nhập cảnh, thì cơ quan đại diện Việt Nam

cấp thị thực rồi.

2. Việc sửa đổi thị thực, chuyển thị thực sang hộ chiếu mới.

a) Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi thị thực đã cấp do bị lỗi kỹ thuật, cơ quan đại diện giải quyết ngay trong ngày làm việc.

b) Đối với trường hợp đề nghị chuyển thị thực còn giá trị sử dụng từ hộ chiếu cũ sang hộ chiếu mới, cơ quan đại diện Việt Nam thực hiện như sau:

- Nếu thị thực do cơ quan đại diện Việt Nam cấp thì đối chiếu với hồ sơ cấp thị thực để giải quyết;

- Nếu thị thực do cơ quan chức năng khác của Việt Nam cấp, cơ quan đại diện trao đổi với cơ quan chức năng đó để giải quyết.

Việc giải quyết chuyển thị thực được thực hiện trong thời hạn 2 ngày làm việc. Đối với trường hợp được chấp thuận, cơ quan đại diện Việt Nam cấp thị thực vào hộ chiếu mới của khách với thời hạn giá trị, số lần nhập cảnh và ký hiệu như thị thực đã cấp ở hộ chiếu cũ.

c) Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi loại thị thực (số lần nhập cảnh), thời hạn thị thực hoặc mục đích nhập cảnh, thì thủ tục và trình tự giải quyết như đối với trường hợp xin thị thực nhập cảnh nêu tại Mục I Thông tư này.

Người đề nghị sửa đổi thị thực nộp tại cơ quan đại diện Việt Nam 1 đơn theo mẫu quy định. Đối với trường hợp được chấp thuận, cơ quan đại diện Việt Nam cấp thị thực mới phù hợp với nội dung được chấp thuận.

III. VIỆC CẤP CHỨNG NHẬN TẠM TRÚ TẠI CỬA KHẨU QUỐC TẾ VÀ VIỆC KHAI BÁO TẠM TRÚ

1. Việc cấp chứng nhận tạm trú.

Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cấp chứng nhận tạm trú cho người nước ngoài tại cửa khẩu quốc tế như sau:

a) Đối với người mang thị thực, thì cấp chứng nhận tạm trú đến hết thời hạn của thị thực. Nếu ở thời điểm người đó nhập cảnh mà thời hạn của thị thực còn giá trị không quá 15 ngày, thì cấp chứng nhận tạm trú 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh.

b) Đối với người được miễn thị thực: